

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ4 N h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 132017302102 - Thi t k X^a y d ng C ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñI M THI	QUY TS : 70%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571010342	35CCĐ4	Phan V ã An	05/09/1993	5.0						5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
2	3571010078	35CCĐ3	Nguy n Tu n Anh	26/03/1993	6.0						6.0	1.8	8.3	5.8	7.6	N HP
3	3571010032	35CCĐ3	Nguy n T n n	04/06/1993	7.0						7.0	2.1	9.5	6.7	8.8	
4	3571010053	35CCĐ3	Nguy n Ho ãng Gia B o	10/12/1993	5.0						5.0	1.5	7.3	5.1	6.6	
5	3571010545	35CCĐ4	Tr n ã nh Bé	05/06/1993	6.0						6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	N HP
6	3571010422	35CCĐ4	Nguy n Xu ^a n Biên	19/09/1992	7.0						7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
7	3571010191	35CCĐ4	ñ ãnh Xu ^a n C nh	07/05/1991	7.0						7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
8	3571010047	35CCĐ3	Ng» ã nh C nh	05/01/1993	5.0						5.0	1.5	7.5	5.3	6.8	
9	3571010074	35CCĐ3	Ph m Quang C n	24/12/1993	7.0						7.0	2.1	8.3	5.8	7.9	
10	3571011771	35CCĐ3	Nguy n Minh Công	24/09/1991	6.0						6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
11	3571010243	35CCĐ3	L u V ã C ng	15/11/1993	6.0						6.0	1.8	9.0	6.3	8.1	
12	3571010263	35CCĐ4	Nguy n Di p Ho ãng Chinh	23/01/1993	6.0						6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	N HP
13	3571011831	35CCĐ4	L U QUANG CH NH	30/09/1982	6.0						6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
14	3571010274	35CCĐ4	Nguy n Minh Chính	20/06/1993	5.0						5.0	1.5	6.5	4.6	6.1	
15	3571010176	35CCĐ3	L ² V ã Chung	13/03/1993	6.0						6.0	1.8	5.8	4.1	5.9	
16	3571010359	35CCĐ3	Ho ãng V ã Di m	01/08/1993	6.0						6.0	1.8	6.8	4.8	6.6	
17	3571010330	35CCĐ4	Tr n Thanh Duy	30/08/1993	5.0						5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
18	3571010249	35CCĐ3	Tr n Trung Đ ãng	10/05/1993	6.0						6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
19	3571010307	35CCĐ4	Lê Hoàng ã o	04/12/1993	5.0						5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	N HP

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ4 N h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 132017302102 - Thi t k X^a y d ng C ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñ I M THI	QUY TS : 70%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571010417	35CCĐ4	H S ã t	24/07/1993	6.0						6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	N HP
21	3571010022	35CCĐ3	L ² Ti n ã t	28/06/1993	6.0						6.0	1.8	6.8	4.8	6.6	
22	3571010141	35CCĐ3	Mai Thành ã t	10/10/1990	5.0						5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
23	3571011839	35CCĐ3	Nguy n T n ã t	21/05/1993	6.0						6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
24	3571010130	35CCĐ3	Nguy n Duy ã nh	20/11/1991	5.0						5.0	1.5	2.8	2.0	3.5	
25	3571010189	35CCĐ4	Tr n T n ã nh	30/10/1993	3.0						3.0	0.9	8.0	5.6	6.5	
26	3571010195	35CCĐ4	Hu nh Kim ã »ng	01/12/1992	6.0						6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
27	3571011802	35CCĐ4	Ho ãng Tr ng ã c	14/10/1992	6.0						6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	N HP
28	3571010311	35CCĐ4	Phan Tr ng Giang	14/10/1993	6.0						6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
29	3571010327	35CCĐ3	Nguy n ã nh Hào	13/09/1992	5.0						5.0	1.5	8.3	5.8	7.3	N HP
30	3571011544	35CCĐ3	Nguy n Ho ãng H i	12/05/1992	7.0						7.0	2.1	1.5	1.1	3.2	
31	3571010164	35CCĐ3	D ng Kim H u	16/03/1993	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
32	3571010068	35CCĐ3	Phan Ng c Hòa	23/01/1993	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
33	3571010131	35CCĐ3	L ² Ng c H ng	15/03/1993	7.0						7.0	2.1	0.5	0.4	2.5	N HP
34	3571011832	35CCĐ4	CHÚC HI P HUY	17/12/1992	6.0						6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	N HP
35	3571010398	35CCĐ3	ñ V ãnh Huy	10/02/1992	5.0						5.0	1.5	6.5	4.6	6.1	
36	3571011781	35CCĐ4	Ng » Nh t Huy	04/10/1992	2.0						2.0	0.6	5.5	3.9	4.5	N HP
37	3571010396	35CCĐ4	Nguy n Minh Hùng	13/01/1993	5.0						5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	N HP
38	3571010093	35CCĐ3	VH B ́ ch Hùng	07/08/1993	5.0						5.0	1.5	7.5	5.3	6.8	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ4 Nĩm h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 132017302102 - Thi t k X^a y d ng C ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñI M THI	QUY TS : 70%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571010281	35CCĐ4	Nguy n H i	H ng	07/02/1993	7.0						7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
40	3571011010	35CCĐ3	L ng T n	H ng	05/04/1993	6.0						6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	N HP
41	3571011785	35CCĐ4	Cao Minh	Lam	10/03/1992	7.0						7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	N HP
42	3571010296	35CCĐ4	Phan Vñ	L c	12/08/1993	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
43	3571011210	35CCĐ3	Phan Vñ Minh	Luân	09/12/1992	7.0						7.0	2.1	9.0	6.3	8.4	N HP
44	3571010283	35CCĐ4	ñ H c ng	M nh	27/05/1992	5.0						5.0	1.5	6.5	4.6	6.1	N HP
45	3571011444	35CCĐ3	L ² ã c	M nh	12/05/1992	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
46	3571010018	35CCĐ3	Ng» Vñ	M nh	14/01/1992	7.0						7.0	2.1	9.3	6.5	8.6	
47	3571010319	35CCĐ3	ñ ng H u	Minh	26/12/1992	7.0						7.0	2.1	7.8	5.5	7.6	
48	3571010292	35CCĐ4	Tr n H ng	Nam	24/04/1992	5.0						5.0	1.5	6.5	4.6	6.1	N HP
49	3571010194	35CCĐ4	L ² ã i	Ngà	10/10/1993	6.0						6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	N HP
50	3571011456	35CCĐ3	L ² Vñ	Ngh	10/07/1993	6.0						6.0	1.8	7.3	5.1	6.9	
51	3571010246	35CCĐ3	Tr n	Nh n	02/08/1993	5.0						5.0	1.5	8.8	6.2	7.7	N HP
52	3571010114	35CCĐ3	D ng T n	Phi	23/05/1993	6.0						6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
53	3571010378	35CCĐ4	ñ inh C»ng	Phúc	09/03/1993	5.0						5.0	1.5	8.0	5.6	7.1	
54	3571010357	35CCĐ4	Nguy n H u	Ph c	27/01/1993	6.0						6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
55	3571010126	35CCĐ3	Nguy n Vinh	Quang	10/09/1992	6.0						6.0	1.8	8.0	5.6	7.4	
56	3571011813	35CCĐ3	Tr n Vñ	Quang	10/07/1993	6.0						6.0	1.8	7.3	5.1	6.9	
57	3571010391	35CCĐ4	Tr n H ng	Quân	25/01/1993	4.0						4.0	1.2	7.5	5.3	6.5	N HP

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ4 N ầ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017302102 - Thi t k X ấ y đ ng C ng H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T c N		NG ẦY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M TH ầ	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3571010185	35CCĐ4	Tr ầ ng Do ầ n	Qu ầ n	10/10/1993	6.0						6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
59	3571010371	35CCĐ4	Cao Ph ầ ng	Qú ầ i	01/10/1993	7.0						7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	N HP
60	3571010639	35CCĐ4	Nguy ầ n Danh	S ầ n	01/10/1993	5.0						5.0	1.5	7.5	5.3	6.8	
61	3571010028	35CCĐ3	Tr ầ n Xu ầ n	S ầ n	22/02/1993	6.0						6.0	1.8	7.8	5.5	7.3	
62	3571010155	35CCĐ3	Nguy ầ n C ầ ng	Tám	06/03/1993	5.0						5.0	1.5	7.5	5.3	6.8	
63	3571010299	35CCĐ4	Nguy ầ n Ch ầ nh	Tín	10/03/1991	6.0						6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	N HP
64	3571010351	35CCĐ4	ấ ầ Duy	To ầ n	07/11/1992	6.0						6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	N HP
65	3571010321	35CCĐ4	Tr ầ n Minh	Tu ầ n	24/05/1992	5.0						5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	N HP
66	3571010316	35CCĐ4	Vồ Minh	Tu ầ n	14/07/1993	6.0						6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
67	3571011788	35CCĐ4	Nguy ầ n V ầ nh	Tú	02/05/1993	6.0						6.0	1.8	6.8	4.8	6.6	N HP
68	3571010368	35CCĐ4	Ph ầ m V ầ nh	Ty	26/05/1993	6.0						6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
69	3571010270	35CCĐ4	Tr ầ n Ng ầ c	Thanh	18/03/1993	5.0						5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
70	3571010332	35CCĐ4	Tr ầ n Thanh B ầ	Thanh	00/00/1993	6.0						6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
71	3571010383	35CCĐ4	ấ ầ nh B ầ t	Thành	19/02/1993	5.0						5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
72	3571010349	35CCĐ4	Phan Công	Thành	/ /1993	5.0						5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
73	3571010061	35CCĐ3	L ầ m S ầ	Th ầ ng	10/08/1993	5.0						5.0	1.5	5.3	3.7	5.2	
74	3571011455	35CCĐ3	ấ ầ ng Duy	Th ầ n	18/08/1993	6.0						6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
75	3571010273	35CCĐ4	Ph ầ m Thanh	Th ầ nh	24/05/1993	6.0						6.0	1.8	2.5	1.8	3.6	
76	3571010050	35CCĐ3	Tr ầ n Qu ầ c	Th ầ nh	06/02/1993	5.0						5.0	1.5	8.5	6.0	7.5	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ4 N h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 132017302102 - Thi t k X y d ng C ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3571010190	35CCĐ4	Nông Thanh	Trong	20/02/1993	5.0						5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
78	3571010039	35CCĐ3	Nguy n Th	Trung	10/12/1993	6.0						6.0	1.8	8.0	5.6	7.4	
79	3571010125	35CCĐ3	Nguy n Tr n Th	Vinh	08/04/1993	7.0						7.0	2.1	5.8	4.1	6.2	
80	3571010187	35CCĐ4	Nguy n V ấ	V ấ	24/11/1992	6.0						6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	

T ng s : 80 h c sinh sinh vĩ n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi o Vĩ n B M n Gi o V Khoa